

BÁO CÁO

KẾT QUẢ RÀ SOÁT VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2015 – 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Căn cứ kế hoạch số 15/KH-ĐHTB ngày 15/01/2018 của Trường Đại học Thái Bình về rà soát Chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường ĐHTB giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 653a/QĐ-ĐHTB ngày 17/11/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện rà soát việc thực hiện Chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Thái Bình giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện Chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường ĐHTB giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017, phòng Hành chính tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất phương hướng điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường trong thời gian tới như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Kết quả rà soát việc triển khai thực hiện tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi

Năm 2015, nhà trường đã công bố tầm nhìn “Nhà trường không ngừng phấn đấu đào tạo đa ngành, đa phương thức, đa trình độ đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, thành thạo tay nghề, phù hợp với nhu cầu của xã hội trong từng giai đoạn phát triển, góp phần thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2030, phấn đấu đưa Trường ĐHTB trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín về đào tạo nghề nghiệp - ứng dụng và thực hành, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ”, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức đến nay Trường đã thực hiện mở thêm được 03 ngành mới: Điện Cơ khí, Công nghệ thông tin và Toán ứng dụng tăng số ngành đào tạo chính quy lên 09 ngành. Đồng thời các ngành truyền thống của trường như: kế toán, quản trị kinh doanh, luật cũng mở và tuyển sinh các hệ liên thông, hệ văn bằng 2 và hệ vừa học vừa làm. Cùng với các hệ đào tạo Cao đẳng, Trung cấp vốn có đến nay nhà trường đã có 45 mã ngành, chuyên ngành đào tạo với các bậc học đáp ứng tốt nhu cầu học tập của xã hội.

Với sứ mạng đặt ra là “cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao; cung cấp các dịch vụ giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng, chuyển giao và thực hành công nghệ ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực; cung cấp sản phẩm khoa học – kỹ

thuật, công nghệ có giá trị cao trong xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng” Trong năm học 2015-2016 và 2016-2017, nhà trường đã đặc biệt chú trọng công tác đào tạo gắn lý luận với thực tiễn thể hiện qua việc tăng cường phối hợp đào tạo giữa nhà trường với các doanh nghiệp. Trường đã mời các chuyên gia, cán bộ của doanh nghiệp về giảng dạy, hướng dẫn thực hành cho các lớp của trường, mời doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến về xây dựng, cải tiến nội dung CTĐT, tổ chức cho HSSV đi trải nghiệm, thực tập tại các doanh nghiệp... Bên cạnh đó nhà trường cũng tích cực thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và HSSV thể hiện qua nhiều đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh được nghiệm thu trong đó đặc biệt là nhà trường đã được giao thực hiện 01 đề tài cấp Quốc gia. Ngoài ra nhà trường còn kết nối với các địa phương trong tỉnh để thực hiện hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn; Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ nghề cho người lao động... Những kết quả này đã góp phần từng bước tạo dựng uy tín, thương hiệu của nhà trường đối với cộng đồng, xã hội.

1.2. Kết quả rà soát việc thực hiện chiến lược các bộ phận

1.2.1. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Đào tạo

Hiện nay nhà trường đã mở được 9 ngành đào tạo đại học; 17 ngành (chuyên ngành) đào tạo Cao đẳng, 19 ngành đào tạo sơ cấp nghề; chất lượng CTĐT ngày một nâng cao, cơ cấu ngành đào tạo từng bước hoàn thiện theo mô hình đào tạo gắn với NCKH, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo được điều chỉnh theo hướng tăng các học phần tự chọn, giảm số lượng các học phần nhưng không cắt giảm tổng thời lượng đào tạo và được chỉnh sửa, bổ sung hằng năm (việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện 2 năm/lần). Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập được nâng cao. Chất lượng thực hành, thực tập, trải nghiệm được chú trọng; Quản lý công tác đào tạo được thực hiện bằng hệ thống phần mềm hiện đại, được bổ sung, cập nhật thường xuyên.

Bảng 2.1: Kết quả thực hiện chiến lược Đào tạo

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nâng cao chất lượng chương trình	Rà soát và cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra		02 chương trình 100 đề cương chi tiết học phần	
2. Đổi mới	2.1. Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh	01 lần/năm		

PP giảng dạy, đánh giá kết quả nhằm nâng cao kết quả học tập	nghiệm về PP giảng dạy			
	2.2. Tỷ lệ giờ giảng được Hội đồng chuyên môn đánh giá khá giỏi	75%	85%	
	2.3. Tổ chức hội nghị học tốt, đẩy mạnh công tác cố vấn học tập, Trang bị các kỹ năng hỗ trợ SV	Tổ chức 01 lần/năm vào đầu năm học mới. Sinh hoạt trong các câu lạc bộ SV		
	2.4. Chuyển đổi việc đánh giá học tập qua hình thức trắc nghiệm	05 HP	10 HP	20 HP
3. Mở rộng qui mô đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội	3.1. Tăng số lượng SV	Tăng 10% SVDH, giảm CĐ		
	3.2. Tăng số lượng ngành đào tạo	Mở mã ngành Điện Cơ khí Công nghệ thông tin		Mở mã ngành Tài chính ngân hàng
	3.3. Tăng số chương trình đào tạo	2	2	2

Kết quả đào tạo năm học 2015-2016 và 2016-2017:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2016		2017	
	Số lượng	Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào	Số lượng	Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào
1. Sinh viên tốt nghiệp đại học	237	98,34	406	87,88
Trong đó:				
Hệ chính quy	237	98,34	415	87,88
Hệ không chính quy	0		0	
2. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	20	41,67	40	85,11

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2016		2017	
Trong đó:				
Hệ chính quy	20	41,67	40	85,11
Hệ không chính quy	0		0	
3. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0		0	
Trong đó:				
Hệ chính quy	0		0	
Hệ không chính quy	0		0	
6. Khác...	0		0	

1.2.2. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ CBVC: tăng tỉ lệ đội ngũ GV có trình độ cao, đội ngũ quản lý, chuyên viên có tính chuyên nghiệp cao.
- Rà soát, khắc phục cơ bản tình trạng không đồng bộ về đội ngũ giữa các ngành đào tạo, giữa các khoa, phòng, trung tâm.

Bảng 2.2: Kết quả thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Quy hoạch nguồn nhân lực và chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học	1.1. Tăng cường phát triển đội ngũ CB, GV, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng, chuyên nghiệp trong công việc. Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch, bậc viên chức.	- Đến năm học 2019 - 2020 đội ngũ cán bộ, GV đạt trình độ từ thạc sĩ : 90%		
	1.2. Đào tạo nâng cao trình độ hàng năm để phù hợp với qui mô đào tạo	- Tỷ lệ GV có trình độ SDH/tổng số GV là 60-70%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 5% trên tổng số GV.	- Tỷ lệ GV có trình độ SDH/tổng số GV là 70-80%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 6% trên tổng số GV.	- Tỷ lệ GV có trình độ SDH/tổng số GV là 80-85%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 7% trên tổng số GV.

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
	1.3. Chuẩn hóa đội ngũ GV theo qui định của Bộ GDĐT, Ngoài ra nâng cao trình độ tiếng anh cho GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy và hội nhập quốc tế	90% GV đạt trình độ tiếng anh bậc B trở lên.		
	1.4. Thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn; các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Tổ chức các hội thảo, sermina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.	Mỗi cán bộ, GV được tham gia tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ ít nhất 01 năm/01 lần		
	1.5. Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo khoa, phòng đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các trường đại học có cùng chuyên ngành đào tạo.	Trưởng khoa, phòng, đơn vị được đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các CSGD 03 năm/01 lần.		
	1.6. Tổ chức cho GV đi thực tế tại các doanh nghiệp.	GV hàng năm đều phải đi thực tế tại các DN.		
2. Thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cao	2.2. Xây dựng chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, GV đi học nâng cao trình độ	Duy trì và nâng mức hỗ trợ hàng năm đối với cán bộ, GV đi học nâng cao trình độ (chế độ phúc lợi, thu nhập tăng thêm, sinh hoạt phí...)		
3. Nâng cao chất lượng cuộc sống,	3.1. Cải thiện môi trường làm việc, có cơ chế, chính sách để cán bộ GV phát huy năng lực, sở trường	Hàng năm tiến hành rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện điều chỉnh các chế độ: phúc lợi, thu nhập tăng thêm, khen thưởng...theo hướng năm sau cao hơn năm trước, nhằm động viên, khuyến khích cán bộ, GV tích cực cống hiến.		

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
tạo môi trường làm việc tốt cho cán bộ, GV	3.2. Tạo các công việc có thu nhập và mang lại cơ hội phát triển cho cán bộ, GV	- Mở thêm một số mã ngành đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo liên thông, văn bằng 2 theo thế mạnh của Trường.		

1.2.3. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học

Công tác NCKH được nhà trường đặc biệt chú trọng. Từ năm 2015 đến nay, số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học được thể hiện qua một số kết quả cụ thể sau:

+ Số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI và SCOPUS đạt mức 02/năm.

+ Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế bình quân 20 người/năm bằng kinh phí nhà trường.

+ Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước bình quân 40 người/năm bằng kinh phí nhà trường.

+ Số lượng cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở tối thiểu 25 đề tài/năm.

+ Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cho SV: 20 đề tài/năm

+ Số lượng đề tài có hợp tác với các đối tác như: doanh nghiệp 01 đề tài/năm.

+ Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh được công nhận hàng năm là 01

+ Số công trình được công nhận sáng tạo khoa học công nghệ là 01 công trình/định kỳ xét thưởng (3 năm).

+ Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm là 03 quyển.

+ Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh 01 công trình/năm.

+ Số giải thưởng sáng tạo Khoa học công nghệ cấp tỉnh 01 công trình/lần.

Bảng 2.3: Kết quả thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Tăng số lượng, chất lượng các sản	1.1. Tăng số xuất bản khoa học có phản biện trong nước	01	02	03

phẩm nghiên cứu khoa học, tăng số lượng CB, GV, SV tham gia NCKH	1.2. Tăng số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	01	02	03
	1.3. Tăng số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế	10	15	25
	1.4. Số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước.	30	40	45
	1.5. Tỷ lệ cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	50%	60%	70%
	1.6. Tăng số lượng đề tài NCKH của SV	20	30	40
2. Tăng số sáng chế khoa học công nghệ	Tăng số công trình được giải sáng tạo khoa học công nghệ	01	01	02
	Tăng số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh	01	01	01
3. Tăng số giáo trình phục vụ đào tạo	Tăng Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm	01	02	03

1.2.4. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất

- Đáp ứng một cách tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp yêu cầu phát triển theo tiêu chí đồng bộ với quy mô và chất lượng đào tạo của Nhà trường.
- Thực hiện quy hoạch tổng thể, xây dựng cơ sở hạ tầng thông thoáng, phát triển cơ sở vật chất tạo môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu và thực tập thuận lợi, hiệu quả.
- Cải tạo, hoàn thiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tiện ích công cộng trong khu vực Trường.
- Nâng cao hiệu quả trong đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Bảng 2.5. Kết quả thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN Giai đoạn 2015-2018		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nâng cấp	1.1. Phòng học được trang bị	70% phòng	80% phòng học được trang bị	

trang thiết bị, học liệu hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH	máy móc thiết bị phục vụ dạy-học-nghiên cứu khoa học	học được trang bị máy chiếu, âm thanh, điều hòa nhiệt độ, hệ thống Wifi	máy chiếu, âm thanh, điều hòa nhiệt độ, hệ thống Wifi
	1.2. Trang bị đầy đủ, giáo trình, tài liệu tham khảo, đảm bảo được cập nhật mới	100% giáo trình và tài liệu tham khảo được cập nhật hàng năm	
	1.3. Số hóa tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu	100% giáo trình và tài liệu tham khảo được số hóa	
	1.4. Xây dựng các phòng tự học, các phòng học chuyên đề cho SV	Đảm bảo các phòng học tự học, chuyên đề để SV có thể học nhóm, trao đổi, nghiên cứu ngoài giờ học chính khóa	
2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo các hoạt động chuyên môn của nhà trường	2.1. Đầu tư cải tạo, xây dựng mới	Nâng cấp, sửa chữa cải tạo một số hạng mục phục vụ các hoạt động chuyên môn của nhà trường	
	2.2. Tiếp tục duy trì và sửa chữa, bổ sung CSVC 1	Đầu tư xây dựng mới một số phòng học thực hành theo chuyên ngành Xây dựng cảnh quan đồng bộ xung quang khu vực trường đảm bảo mỹ quan chung của nhà trường	
	2.3. Đầu tư trang thiết bị phục vụ các hoạt động chuyên môn của nhà trường	Tiếp tục nâng cấp, bổ sung, thay thế trang thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, học tập, sinh hoạt rèn luyện của cán bộ, giảng viên, học sinh SV	
	2.4. Bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác dạy học thực hành	Đáp ứng nhu cầu dạy học thực hành của SV.	
3. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	3.1. Trang bị hệ thống wifi, đường truyền internet tốc độ cao, các phòng máy tính hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc	Đầu tư mới hệ thống wifi, đường truyền internet tốc độ cao phục vụ	Duy trì, nâng cấp, thay thế, bổ sung

<p>tin và phần mềm quản lý theo chuẩn số hóa để kết nối thông suốt, thuận tiện, hiệu quả trong quản lý điều hành, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu</p>		<p>công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của cán bộ, giảng viên, SV . Đảm bảo các phòng máy tính hiện đại phục vụ dạy học và thi trắc nghiệm và nghiên cứu khoa học</p>	
<p>3. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý theo chuẩn số hóa để kết nối thông suốt, thuận tiện, hiệu quả trong quản lý điều hành, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu</p>	<p>3.2. Trang bị hệ thống phần mềm phục vụ giảng dạy, học tập và công tác chuyên môn</p>	<p>Đầu tư mới một số hệ thống phần mềm phục các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Tiếp tục duy trì, nâng cấp các phần mềm đang sử dụng.</p>	<p>Duy trì, nâng cấp, thay thế, bổ sung</p>
<p>hiệu quả trong quản lý điều hành, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu</p>	<p>3.3. Tin học hóa quy trình quản lý, cải cách các thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng công tác chuyên môn hiệu quả, tiết kiệm</p>	<p>Hoàn thiện và thường xuyên cập nhật phần mềm mvp, để 100% các hoạt động của nhà trường được giải quyết và xử lý trên mvp .</p>	
<p>hiệu quả trong quản lý điều hành, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu</p>	<p>3.4. Số hóa hệ thống thông tin người học</p>	<p>Đảm bảo 100% thông tin cá nhân và kết quả học tập rèn luyện của người học được số hóa đầy đủ.</p>	

1.2.5. Thực hiện chiến lược phát triển tài chính

- Tăng cường các nguồn lực tài chính, cả về quy mô và cơ cấu.
- Các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản các hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế và các hoạt động khác của nhà trường với quy mô ngày càng phát triển; hướng

đến từng bước tăng cường cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho CBVC.

Bảng 2.6. Kết quả thực hiện chiến lược phát triển tài chính

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Tăng quy mô, đa dạng hóa nguồn thu	1.1. Tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo ngắn hạn	50 triệu	100 triệu	180 triệu
	1.2. Tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ	Có nguồn thu từ hoạt động NCKH và hàng năm tăng 1% đến 5% nguồn thu từ hoạt động NCKH		
	1.3. Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cựu SV đồng hành cùng với nhà trường trong việc tài trợ học bổng và các hoạt động ngoại khóa của SV, hoạt động NCKH	20 triệu	30 triệu	40 triệu
2. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, tạo động lực cho sự phát triển	Xây dựng chính sách khuyến khích tìm kiếm hợp đồng nghiên cứu - chuyển giao CN	Xây dựng văn bản lập qui về chính sách khuyến khích tìm kiếm HĐ NCKH và chuyển giao công nghệ		
3. Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất	3.1. Khai thác cơ sở vật chất dùng chung ở các đơn vị	Xác định những CSVC có thể khai thác dùng chung để khai thác nguồn lực một cách hiệu quả		
	3.2 Xây dựng và triển khai hệ thống dữ liệu thống kê tài chính giúp kịp thời ra quyết định	Hiệu chỉnh phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu thống kê tài chính		
	3.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản	Tiến hành rà soát, đánh giá, kiểm kê hàng năm về tình hình sử dụng tất cả tài sản trong trường để nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo quản tài sản tối ưu. Đặc biệt trong việc sử dụng tài sản chung		

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đáng chú ý nêu trên, Trường còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

- Chưa có đủ giảng viên, nghiên cứu có học hàm, học vị cao. Lực lượng giảng viên cơ hữu chưa đủ điều kiện mở thêm ngành nghề mới. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ chưa có nhiều sản phẩm có tính ứng dụng.

- Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển theo hướng đổi mới và hội nhập quốc tế.

- Nguồn kinh phí chi cho giáo dục còn hạn hẹp, thu nhập của giảng viên chưa cao, chưa đủ sức thu hút giảng viên có trình độ cao về trường công tác.

- Chất lượng và hiệu quả đào tạo chưa bắt kịp yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế.

2. Nguyên nhân:

- Là một Trường Đại học địa phương, mới được thành lập nên các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ nhất là trình độ quản trị trường Đại học còn yếu và thiếu. Kinh tế - xã hội của Thái Bình tuy đã có bước phát triển nhưng nhìn chung còn khó khăn, đầu tư của tỉnh cho nhà trường còn hạn chế cũng làm ảnh hưởng nhiều tới việc tăng cường nguồn lực cho sự phát triển của Nhà trường.

- Sự kết hợp với các doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học - công nghệ còn hạn chế. Số lượng các trường đại học, viện nghiên cứu ngoài nước có thỏa thuận hợp tác với Trường còn ít, chủ yếu thông qua mối quan hệ cá nhân của giảng viên.

- Vấn đề việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường đã tác động rất lớn đến công tác tuyển sinh và đào tạo, mặt khác các chính sách đãi ngộ của tỉnh chưa đủ sức để thu hút đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao, chuyên môn giỏi về trường công tác.

III. PHƯƠNG HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG CHO GIAI ĐOẠN 2018-2021, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

3.1 Kiến nghị sau rà soát

Hiện nay, Luật giáo dục Đại học sửa đổi 2018 có hiệu lực và các văn bản pháp luật khác có những chú ý như sau:

- Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng.

- Cơ cấu cơ sở giáo dục bắt buộc phải có Hội đồng trường

- Cơ sở giáo dục đại học cần xác định định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng

- Theo thông tư 32/ 2015/TT-BGDĐT đến năm 2020, các Cơ sở giáo dục không tuyển sinh bậc cao đẳng tại trường đại học.

Như vậy, TNSM và GTCL hiện nay của trường không còn phù hợp.

- Đến năm 2020, trường không được tuyển sinh bậc cao đẳng là khó khăn rất lớn; các kế hoạch liên quan đến đào tạo và tuyển sinh cần được thay đổi.

- Cần xác định rõ ĐHTB theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng, trong nội dung TNSM, GTCL xác định “cung cấp các dịch vụ giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng, chuyển giao và thực hành công nghệ ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực”; điều này chưa hoàn toàn phù hợp. Cần xác định rõ giữa đào tạo nghề và cơ sở giáo dục định hướng ứng dụng hoặc nghiên cứu.

- Từ nội dung sứ mạng cần xác định lại nội dung tầm nhìn phù hợp với Trường ĐHTB.

- Các chiến lược bộ phận và kế hoạch thực hiện chiến lược không còn phù hợp với thực tế, cần điều chỉnh và xây dựng lại các chiến lược bộ phận và kế hoạch thực hiện chiến lược;

- Các nội dung liên quan đến đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục và công tác phục vụ cộng đồng theo quy định tại Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 chưa có, cần xây dựng mới chiến lược bộ phận và kế hoạch thực hiện chiến lược các nội dung này;

- Cần thiết phải xây dựng triết lý giáo dục riêng của Trường.

3.2. Điều chỉnh và bổ sung chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030

3.2.1 Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển đào tạo

- Rà soát, chỉnh sửa nâng cao chất lượng 09 CTĐT đã có, mở thêm 2 đến 3 ngành đào tạo mới.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả nhằm nâng cao kết quả học tập:

+ Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy;...

+ Phân đầu tỷ lệ giờ giảng khá giỏi từ 85% trở lên;

+ Tổ chức hội nghị học tốt trong SV, phát triển cố vấn học tập;

+ Đổi mới phương pháp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan.

- Mở rộng qui mô đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội:

+ Tăng số lượng SV qua tăng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm;

+ Mở thêm mã ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

+ Tăng số lượng CTĐT chính qui, liên thông, văn bằng 2.

3.2.2 Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển công tác tuyển sinh

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tuyển sinh trong và ngoài tỉnh

- Dự báo nhu cầu về ngành, nghề trong tương lai để hướng tới mở các ngành đào tạo phù hợp, bắt kịp xu thế.

- Thực hiện kết nối, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp nhằm giới thiệu việc làm cho sinh viên trong quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp.

3.2.3 Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ CBVC: tăng tỉ lệ đội ngũ GV có trình độ cao, đội ngũ quản lý, chuyên viên có tính chuyên nghiệp cao.

- Rà soát, khắc phục cơ bản tình trạng không đồng bộ về đội ngũ giữa các ngành đào tạo, giữa các khoa, phòng, trung tâm.

3.2.4. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và hợp tác trong nước và quốc tế

Tăng cường năng lực và uy tín của hoạt động NCKH để tạo ra nhiều sản phẩm NCKH có chất lượng và có tính ứng dụng cao trong giảng dạy và phục vụ công cuộc phát triển kinh tế địa phương.

Hợp tác và chuyển giao các sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng đối với các lĩnh vực.

* Về nghiên cứu khoa học

- Tăng loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, công bố khoa học, tài sản trí tuệ của CBGV và SV:

- Về chất lượng: kết quả NCKH của CBGV và SV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên hoặc được thừa nhận theo quy định. Các sản phẩm nghiên cứu phải đảm bảo các tiêu chí về chất lượng như: tính thiết thực, tính khả thi, tính hiệu quả. Các đề tài NCKH phải đảm bảo chất lượng theo bộ KPIs và đảm bảo đúng quy trình xét chọn đề xuất và xét duyệt thuyết minh, quy trình nghiệm thu, lưu trữ.

- Tăng ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

- Tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

* Về hợp tác trong NCKH:

- Thu hút đầu tư kinh phí từ các nguồn khác nhau cho hoạt động KHCN;

- 100% giảng viên tham gia NCKH

- Cứ hai năm có 01 đề tài cấp Nhà nước; 03 đề tài cấp Bộ

- Mỗi năm có 3-5 đối tác ký kết biên bản hợp tác về phát triển KHCN;

- Mở rộng thêm 3-5 mối quan hệ hợp tác quốc tế mới cho giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030

- Mỗi năm có 01 đề tài được chuyển giao công nghệ

3.2.5. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất

- Đáp ứng một cách tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp yêu cầu phát triển theo tiêu chí đồng bộ với quy mô và chất lượng đào tạo của Trường.

- Thực hiện quy hoạch tổng thể, xây dựng cơ sở hạ tầng thông thoáng, phát triển cơ sở vật chất tạo môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu và thực tập thuận lợi, hiệu quả.

- Cải tạo, hoàn thiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tiện ích công cộng trong khu vực Trường.

- Nâng cao hiệu quả trong đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

3.2.6. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển tài chính

- Tăng cường các nguồn lực tài chính, cả về quy mô và cơ cấu.

- Các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản các hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế và các hoạt động khác của Trường với quy mô ngày càng phát triển; hướng đến từng bước tăng cường cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho CBGV.

3.2.7. Chiến lược phát triển Quản trị đại học và đảm bảo chất lượng giáo dục

- Thành lập Hội đồng trường theo quy định của Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018.
- Nâng cao chất lượng quản trị đại học theo mô hình quản trị hiện đại, phù hợp với xu thế quản trị đại học của các trường tiên tiến, phù hợp với vai trò và vị trí của Trường ĐHTB trong hệ thống các trường Đại học.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trường phù hợp với chiến lược phát triển của trường.
- Chuẩn hoá, quy trình hoá, tin học hóa quản trị đại học.
- Ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành Trường

3.2.8. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển kết nối và phục vụ cộng đồng

- Mỗi năm tổ chức từ 10 - 15 hoạt động từ thiện, tình nguyện với vai trò quan trọng của Công đoàn và Đoàn Thanh niên. Mỗi năm có ít nhất 05 hoạt động phục vụ cộng đồng xã hội được ghi nhận và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Xây dựng các chương trình mới, sửa đổi, bổ sung những chương trình cũ về nội dung và phương pháp phù hợp để mang lại kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người nông dân ở vùng sâu, vùng xa, người có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật.
- Đảm bảo mỗi năm có 70% tổng số giảng viên, cán bộ, sinh viên của Trường tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng xã hội.

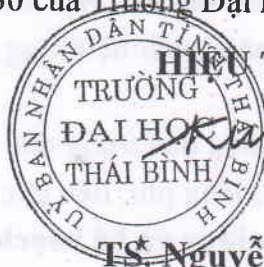
2. Phổ biến kế hoạch chiến lược:

- Chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030 tiếp tục được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giảng viên, người lao động, HSSV của nhà trường và các tổ chức cá nhân quan tâm đến sự phát triển của nhà trường.
- Tuyên truyền, phổ biến công khai trên các bản tin nhà trường, cổng thông tin điện tử và trong các cuộc họp đơn vị.

Trên đây là báo cáo rà soát kết quả thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020 tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Thái Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Giám hiệu;
- Trường các đơn vị;
- Lưu văn thư



HIỆN TRƯỞNG
TS. Nguyễn Thị Kim Lý